

Bản án số: 63/2020/DS-PT

Ngày: 16-6-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T.

Địa chỉ: đường L, khóm 4, phường 3, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ L, địa chỉ: đường D, khóm 8, phường 3, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 19-4-2019).(có mặt).

Bị đơn:

- Bà Mai Ngọc Sương M. Địa chỉ: đường Q, phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

- Ông Trần Trường N. Địa chỉ: đường Q, phường 2, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Trường N: Bà Mai Ngọc Sương M – là bị đơn trong vụ án (theo văn bản ủy quyền ngày 28-4-2020).

- Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22-4-2019 của bà Nguyễn Ngọc T (đã được sửa đổi, bổ sung theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06-02-2020 của bà Trương Thị Mỹ L):

Vào ngày 12-6-2016, vợ chồng ông Trần Trường N và bà Mai Ngọc Sương M có vay của bà Nguyễn Ngọc T số tiền 600.000.000 đồng trong thời hạn 02 năm; khi vay hai bên có làm biên nhận ghi ngày 13-6-2016 và thỏa thuận lãi suất 15%/năm. Đến ngày 10-6-2018, bà M làm biên nhận mới gia hạn thời hạn trả nợ thành 2,5 năm, tính từ ngày 12-6-2016 đến tháng 12-2018.

Sau khi vay tiền, ông N và bà M chỉ trả được 84.000.000 đồng tiền lãi nên bà T yêu cầu Tòa án buộc ông N, bà M trả 600.000.000 đồng gốc; tiền lãi từ ngày 12-6-2016 đến ngày 01-01-2017 là 45.000.000 đồng (600.000.000 đồng x 06 tháng 20 ngày x 1,25%/tháng) và tiền lãi từ ngày 02-01-2017 đến ngày 11-02-2020 là 279.750.000 đồng (600.000.000 đồng x 03 năm 01 tháng 09 ngày x 1,25%/tháng), trừ 84.000.000 đồng lãi đã trả còn 240.750.000 đồng lãi. Tổng cộng gốc lãi ông N, bà M phải trả cho bà T là 840.750.000 đồng.

- Theo các Tờ tường trình ngày 09-7-2019, 11-10-2019 của ông Trần Trường N, bà Mai Ngọc Sương M và trong quá trình giải quyết vụ án bà M trình bày:

Vợ chồng bà Mai Ngọc Sương M, ông Trần Trường N thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Ngọc T 600.000.000 đồng gốc theo 02 biên nhận ngày 13-6-2016 và 10-6-2018; khoản tiền này ông bà đã vay của bà T từ năm 2014 với lãi suất 15%/năm. Ngày 13-6-2016, bà M làm biên nhận nợ số tiền này với thời hạn trả là 02 năm và thỏa thuận miệng trả lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng (tương đương lãi suất 6%/năm). Đến ngày 10-6-2018, bà T yêu cầu bà M viết biên nhận mới gia hạn thời hạn trả nợ thành 2,5 năm (tính từ ngày 12-6-2016 đến tháng 12-2018) và lãi suất là 15%/năm.

Bà M, ông N cho rằng từ ngày 13-6-2016 đến nay, mỗi tháng đều trả cho bà T 3.000.000 đồng lãi theo đúng thỏa thuận nên chỉ đồng ý trả 600.000.000 đồng gốc còn nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố X đã tuyên xử:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 và điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T:

Buộc ông Trần Trường N và bà Mai Ngọc Swong M trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền còn nợ tổng cộng là 676.400.000 đồng, gồm 600.000.000 đồng gốc và 76.400.000 đồng lãi theo Biên nhận ngày 13-6-2016 và Biên nhận ngày 10-6-2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu ông Trần Trường N và bà Mai Ngọc Swong M trả số tiền lãi là 164.350.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 13-3-2020 nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Xét Đơn kháng cáo ngày 13-3-2020 của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông N, bà M trả 600.000.000 đồng tiền gốc; tiền lãi từ ngày 12-6-2016 đến ngày 01-01-2017 là 45.000.000 đồng theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng là 13,5%/năm và tiền lãi từ ngày 02-01-2017 đến ngày 11-02-2020 là 279.750.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận là 15%/năm, trừ 84.000.000 đồng tiền lãi đã trả còn 240.750.000 đồng lãi. Tổng cộng gốc lãi ông N, bà M phải trả cho bà T là 840.750.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T có cung cấp

cho Tòa án “Biên nhận” viết tay ghi ngày 13-6-2016, có nội dung bà Mai Ngọc Sương M vay của bà Nguyễn Ngọc T số tiền 600.000.000 đồng, phía dưới có chữ ký, chữ viết “Mai Ngọc Sương M” (*Bút lục số 89*); Bản chính “Biên nhận” viết tay ghi ngày 10-6-2018 có nội dung bà Mai Ngọc Sương M vay của bà Nguyễn Ngọc T số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất 15%/năm, phía dưới có chữ ký, chữ viết “Mai Ngọc Sương M” (*Bút lục số 88*);

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T và các bị đơn ông Trần Trường N, bà Mai Ngọc Sương M đều thống nhất trình bày là ông N, bà M có vay của bà T 600.000.000đ và hiện nay các bị đơn còn nợ nguyên đơn 600.000.000 đồng gốc theo 02 biên nhận ngày 13-6-2016 và 10-6-2018 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, nên cấp sơ thẩm đã buộc ông N, bà M phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà T số nợ gốc 600.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần lãi suất theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thấy rằng, theo “Biên nhận” ngày 13-6-2016 hai bên không thỏa thuận lãi suất; còn “Biên nhận” ngày 10-6-2018 hai bên có thỏa thuận lãi suất là 15%/năm, thời hạn tính từ ngày 12-6-2016 đến tháng 12-2018 nên nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 12-6-2016 đến ngày 01-01-2017 là 45.000.000 đồng (600.000.000 đồng x 06 tháng 20 ngày x 1,125%/tháng) và tiền lãi từ ngày 02-01-2017 đến ngày 11-02-2020 là 279.750.000 đồng (600.000.000 đồng x 03 năm 01 tháng 09 ngày x 1,25%/tháng). Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06-02-2020 của bà Trương Thị Mỹ L thì phía nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 84.000.000 đồng lãi. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng cung cấp từ ngày 03-01-2018 đến ngày 04-7-2019, các bị đơn đã chuyển tiền 16 lần tổng cộng 54.000.000 đồng vào tài khoản số 74210000347583 của nguyên đơn từ 03 tài khoản số 74210000159469, 070014671161, 0321000617881. Trong đó, 14 lần có số tiền chuyển mỗi lần là 3.000.000 đồng, 02 lần có số tiền chuyển mỗi lần là 6.000.000 đồng. Phía bị đơn cho rằng sau khi viết biên nhận ngày 13-6-2016, hai bên có thỏa thuận miệng tiền lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng, tương đương lãi suất 6%/năm (0,5%/tháng) nên việc chuyển khoản nêu trên thể hiện là bị đơn đóng lãi cho nguyên đơn đúng như theo thỏa thuận giữa hai bên. Nhưng theo biên nhận ngày 10-6-2018 mà bị đơn đã viết có nội dung bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), lãi suất là 15%/năm, thời hạn từ ngày 12-6-2016 đến tháng 12-2018. Như vậy, nếu có thỏa thuận như bị đơn trình bày thì tại sao khi bị đơn viết biên nhận ngày 10-6-2018 phần lãi suất lại không ghi là 6%/năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn cho rằng việc viết biên nhận ngày 10-6-2018 là theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, việc bị đơn viết biên nhận trên không bị ai ép buộc hay đe dọa, đồng thời nguyên đơn cũng không thừa nhận có việc thỏa thuận lãi suất là 6%/năm. Đồng thời, việc chuyển tiền qua Ngân hàng cũng như tin nhắn qua Zalo mà bị đơn đã cung cấp không chứng minh mức lãi suất, không có tài liệu, chứng

cứ nào phủ nhận mức lãi suất thỏa thuận là 15%/năm theo biên nhận ngày 10-6-2018. Do đó, lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận và mức lãi suất trên cũng không vượt mức lãi suất theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 và điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

[6] Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 30-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng thì “bà Mai Ngọc Sương M và ông Trần Trường N thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Ngọc T số tiền lãi của 600.000.000 đồng vốn với lãi suất 15%/năm từ ngày 12-6-2016 đến ngày 30-8-2019”. Do đó yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc T, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận, trong đó buộc bị đơn bà M, ông N trả cho nguyên đơn bà T số tiền vốn vay là 600.000.000đ và tiền lãi suất 240.750.000đ cụ thể như sau: Từ ngày 12-6-2016 đến ngày 01-01-2017 là 45.000.000đ [600.000.000đ x 06 tháng 20 ngày x 1,125%/tháng] là có lợi cho bị đơn; Từ ngày 02-01-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 11-02-2020 là 279.750.000đ [600.000.000đ x 03 năm 01 tháng 09 ngày x 1,25%/tháng], trừ 84.000.000đ lãi mà nguyên đơn thừa nhận các bị đơn đã trả, còn 240.750.000đ đồng lãi.

[8] Do kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc T được chấp nhận nên người kháng cáo bà T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời do án sơ thẩm bị sửa nên phần án phí dân sự sơ thẩm cũng được xác định lại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 17-02-2020 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T với bị đơn ông Trần Trường N, bà Mai Ngọc Sương M, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 và điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015. *Tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.

Buộc ông Trần Trường N và bà Mai Ngọc Sương M trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền còn nợ tổng cộng là 840.750.000 đồng (tám trăm bốn mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), gồm 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) gốc và 240.750.000đ (hai trăm bốn mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí sơ thẩm, bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.695.000 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007468 ngày 25-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh Sóc Trăng;

+ Ông Trần Trường N và bà Mai Ngọc Sương M phải chịu là 37.222.500 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001771 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố X;
- Chi cục THADS thành phố X;
- Lưu: HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Rết